

Bản án số: **92/2017/DS-ST**

Ngày: 13/9/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.
2. Ông Nguyễn Đăng Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969;

Bà Lâm Thị Th, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G trình bày:

Vào năm 2015 ông có bán thức ăn chăn nuôi gia cầm cho vợ chồng ông M, bà Th theo hình thức gói đầu. Hai bên thỏa thuận miệng, ông cung cấp thức ăn chăn nuôi gà cho ông M, bà Th, đến khi bán gà thì ông M, bà Th trả dần tiền nợ thức ăn theo từng đợt cho ông, ông có sổ theo dõi ghi chép số thức ăn đã bán cho ông M, bà Th. Hai bên hợp đồng làm ăn rất suôn sẻ. Đến ngày 15/10/2016 ông tổng kết sổ theo dõi thì ông nhận thấy ông M, bà Th còn nợ của ông số tiền là 126.601.000 đồng. Do số tiền nợ quá cao nên ông có bàn bạc với ông M, bà Th để trả dần số tiền này cho ông và ông ngưng không giao thức ăn cho ông M, bà Th nữa. Ngày 16/10/2016 ông M, bà Th có trả cho ông số tiền là 47.000.000 đồng. Số tiền ông M, bà Th còn nợ lại của ông là 79.601.000 đồng. Đến nay ông M, bà

Th không trả tiếp cho ông số tiền nào.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền còn nợ do mua bán thức ăn là 79.601.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau: Từ ngày 16/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 12/4/2017) số tiền lãi là $79.601.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 5,8 \text{ tháng} = 3.462.643 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, Ông G giữ nguyên yêu cầu về đòi lại số tiền nợ gốc do mua bán thức ăn với ông M, bà Th là 79.601.000 đồng. Ông có thay đổi về yêu cầu tính lãi, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 11/9/2017, bị đơn là bà Lâm Thị Th trình bày:

Bà thừa nhận bà và chồng bà là ông M có mua thức ăn của ông G như ông G đã trình bày. Bà thừa nhận hiện tại vợ chồng ông bà còn nợ của ông G số tiền là 79.601.000 đồng. Ông bà cũng đồng ý trả số tiền 79.601.000 đồng cho ông G nhưng vì hoàn cảnh kinh tế hiện tại rất khó khăn nên ông bà xin khi nào có tiền thì ông bà mới trả cho ông G.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng... Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về phần nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc do mua thức ăn chăn nuôi gia cầm là 79.601.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M, bà Th.

Về nội dung:

Do có quen biết với nhau nên giữa ông Huỳnh Văn G và vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị Th có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc mua bán thức ăn gia cầm, cụ thể như sau:

Vào năm 2015, ông G có bán thức ăn chăn nuôi gia cầm cho vợ chồng ông Minh, bà Thúy theo hình thức gỏi đầu. Hai bên thỏa thuận miệng nhưng ông Gạnh có sổ theo dõi ghi chép số thức ăn đã bán cho ông M, bà Th, ông G cung cấp thức ăn chăn nuôi gà cho ông M, bà Th, đến khi bán gà thì ông M, bà Th trả dần tiền nợ thức ăn theo từng đợt cho ông G.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hai bên mua bán thức ăn được thời gian dài từ năm 2015 đến ngày 15/10/2016, ông G tổng kết sổ theo dõi thì nhận thấy bà Th và ông M còn nợ của ông số tiền là 126.601.000 đồng. Do số tiền nợ quá cao nên ông G có bàn bạc với ông M, bà Th để trả dần số tiền này cho ông và ông ngưng không giao thức ăn cho ông M, bà Th nữa. Ngày 16/10/2016 ông M, bà Th có trả cho ông G số tiền là 47.000.000 đồng và không trả nữa. Số tiền hiện tại ông M, bà Th còn nợ của ông là 79.601.000 đồng.

Xét thấy đây là hợp đồng mua bán thức ăn, căn cứ vào sổ theo dõi mua bán của ông G, ông M và bà Th cũng thừa nhận còn nợ của ông G số tiền là 79.601.000 đồng. Ông G cho rằng nhiều lần ông Gạnh đòi nợ nhưng ông M, bà Th không thực hiện việc trả nợ như hợp đồng nên ông M, bà Th đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông G nên cần buộc ông M và bà Th phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ thức ăn của ông G phù hợp.

Đối với ông M và bà Th, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông M và bà Th vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc này chứng tỏ ông M, bà Th đã bỏ mặc việc giải quyết vụ án này nên không thể xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M, bà Th được.

Xét yêu cầu của bà Th về việc đồng ý trả cho ông G số tiền mua thức ăn là 79.601.000 đồng nhưng bà cho rằng hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nay không thể trả cho ông G được, bà yêu cầu khi nào có tiền thì bà mới trả cho ông G là không phù hợp với quy định của pháp luật và ông G cũng không đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu này của bà Th.

Về lỗi suất: Ông G không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận và không xem xét tính lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 79.601.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 3.980.050 đồng. Do yêu cầu của ông Huỳnh Văn G được chấp nhận nên ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 2.076.600 đồng theo biên lai thu số 0006690 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền nợ mua bán thức ăn là 79.601.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm lẻ một triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền nợ thức ăn là 79.601.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm lẻ một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh Văn G, nếu ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th không chịu trả số tiền như án tuyên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu về việc xin trả dần của bà Lâm Thị Th.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị Th có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 3.980.050 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn G số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 2.076.600 đồng (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu số 0006690 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thế Trang Đền